TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 456/2021/HC-PT
Ngày 07 - 12 - 2021
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Nguyễn Đắc Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Phương Thu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 730/2020/TLPT-HC ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ"

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 652/2020/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 255/2021/QĐPT-HC ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Ông Lưu Chí Th, sinh năm 1958

Địa chỉ: 370 HP, Phường P9, Quận X8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: 781/A24 LHP, Phường P12, Quận X10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Trương Thị Minh T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: 781/A24 LHP, Phường P12, Quận X10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: 330 NB, ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Đỗ Hồng P - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Phan Lê Ng – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB (Xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1980; (Xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Lê Văn H, sinh năm 1978; (Xin xét xử vắng mặt)

3. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1978; (vắng mặt)

4. Ông Võ Phan Điền Tr, sinh năm 1980. (có mặt)

Cùng địa chỉ: 330 Nguyễn Bình, ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện ngày 16/3/2017 và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện là ông Ông Lưu Chí Th có đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:**

Toàn bộ diện tích 4.109,9m^2 đất thuộc phần thửa số 503, 509, 1827, 1866, rạch, tờ bản đồ 04 của ông Ông Lưu Chí Th tại xã PK nằm trong dự án tạo quỹ đất xây dựng Khu Đô Thị Mới xã PK – NĐ, huyện NB. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ông Lưu Chí Th và sử dụng ổn định không tranh chấp.

Ngày 25/7/2008, Ủy ban nhân dân huyện NB ra Quyết định số 589/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông Th số tiền 6.307.258.880 đồng (sau đây viết tắt là Quyết định số 589).

Ngày 01/8/2008, ông Th đồng ý giao một phần đất cho Ủy ban nhân dân huyện NB để làm trụ điện đường dây 550 KW.

Ngày 04/8/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng ra Thông báo số 103/TB-HĐ với nội dung sẽ gửi số tiền bồi thường hỗ trợ được xác định tại Quyết định số 589 vào Ngân hàng Nhà nước theo chế độ tiền gửi tiết kiệm bậc thang.

Ngày 10/3/2009, Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng ban hành Công văn số 123/BBT (sau đây viết tắt là Công văn số 123) về việc bồi thường hỗ trợ bổ sung 191,1m^2 đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư với đơn giá 2.293.000 đ/m^2, thành tiền là 438.192.300 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông Th được bồi thường cho diện tích bị thu hồi 4.109,9m^2 theo Quyết định số 589 và Công văn số 123 là 6.745.451.180 đồng.

Ngày 05/5/2009, ông Th được Ban bồi thường giải quyết số tiền bồi thường tạm ứng là 3.628.753.880 đồng và tiền lãi tiết kiệm 797.167.141 đồng, nhận tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – NB.

Ngày 02/6/2010, ông Th làm đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện NB và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng dự án khu đô thị mới để yêu cầu giải quyết nhận số tiền bồi thường đất còn lại 3.116.697.300 đồng.

Ngày 05/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện NB ra Quyết định 2155/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định số 2155) thay thế Quyết định số 589, theo đó thay đổi tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Th từ 6.307.258.880 đồng, giảm xuống chỉ còn 4.732.336.310 đồng và không xem xét số tiền 438.192.300 đồng ông Th được bồi thường hỗ trợ bổ sung 191,1m^2 đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư theo Công văn số 123.

Ngày 19/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện NB ra Quyết định số 2345/QĐ-UBND quyết định hỗ trợ lãi suất ngân hàng đối với số tiền bồi thường còn lại là 1.103.582.430 đồng cho ông Th theo Quyết định số 2155, sau khi trừ đi số tiền bồi thường ông Th đã nhận lần một là 3.628.753.880 đồng vào ngày 05/5/2009. Số tiền hỗ trợ lãi suất ngân hàng tương ứng với số chưa nhận là 1.308.928.809 đồng. Ngày 21/9/2016, Kho bạc Nhà nước huyện NB đã chi trả cho ông Th số tiền bồi thường còn lại 1.103.582.430 đồng và tương ứng số tiền hỗ trợ lãi suất ngân hàng 1.308.928.809 đồng.

Ủy ban nhân dân huyện NB ra Quyết định số 2155 để thay thế Quyết định số 589, vì thế cho ông Th không được bồi thường, hỗ trợ số tiền 1.574.922.570 đồng (nếu bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 589), đồng thời Ủy ban nhân dân huyện NB đã không xem xét số tiền 438.192.300 đồng mà ông Th được bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp xen cài đối với diện tích 191,1m^2 theo Công văn số 123. Tổng số tiền ông Th không được xem xét bồi thường, hỗ trợ do bởi Quyết định 2155 là 2.013.144.870 đồng. Cụ thể, về đơn giá bồi thường, hỗ trợ:

+ Đối với thửa 505 cụ thể là 191,1m^2, yêu cầu bồi thường bổ sung theo Quyết định số 589 và Công Văn số 123 là 2.293.000 đồng/m^2 thay vì chỉ có 1.228.000 đồng/m^2 theo Quyết định số 2155.

+ Đối với thửa 1866 chiết từ thửa 505 cụ thể là 1059 m^2 đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư đơn giá 2.748.000đ/m^2 (108.000 đ + [40% x 6.600.000 đ/m^2] = 2.748.000 đ/m^2) là đơn giá bồi thường, hỗ trợ cho Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư theo điểm c Mục 3 Phần V Phương án 92/PABT ngày 03/7/2008.

+ Đối với thửa 509 cụ thể là 2301,7m^2 đất trồng cây hàng năm, yêu cầu đơn giá 405.000đ/m^2 theo mục 3 phần V Phương án 92/PABT ngày 03/7/2008 là

có căn cứ, vì mục 3 phần V đã xác định rõ thế nào là đất nông nghiệp có vị trí mặt tiền đường, cụ thể: Đất nông nghiệp có vị trí mặt tiền đường là phần diện tích của một hộ có quyền sử dụng đất hợp pháp, hợp lệ có ít nhất một mặt tiếp giáp với lề đường hiện hữu trong phạm vi 200m tính từ ranh tiếp giáp với lề đường đường tính bồi thường với đất trồng cây hàng năm là 405.000 đ/m^2, nhưng Quyết định số 2155 bồi thường chỉ có 330.000đ/m^2.

+ Ủy ban nhân dân huyện NB vi phạm nguyên tắc hỗ trợ ổn định nhân khẩu, chưa tính hỗ trợ ổn định đời sống cho ông Th là 1.000.000 đồng.

+ Tính lãi suất bậc thang số tiền còn lại mà ông Th yêu cầu được nhận theo Quyết định số 589 kể từ ngày 11/7/2008 tới ngày Ủy ban nhân dân huyện NB thực hiện việc chi trả cho ông Ông Lưu Chí Th.

+ Ủy ban nhân dân huyện NB vi phạm trong việc đo đạc diện tích thực tế và diện tích trên Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ông Lưu Chí Th cụ thể tại phần diện tích đất là 1.250,1m^2, thửa 1866 (tách từ thửa 505).

+ Ủy ban nhân dân huyện NB vi phạm nguyên tắc xử lý chuyển tiếp, cụ thể Ủy ban nhân dân huyện NB phải thực theo Phương án bồi thường, không được thực hiện theo Quyết định số 2155.

+ Ủy ban nhân dân huyện NB vi phạm trong việc áp dụng Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013.

Ủy ban nhân dân huyện NB thực hiện bồi thường, hỗ trợ đền bù thu hồi đất cho ông Th và có lỗi trong việc bồi thường chậm. Như vậy, trong trường hợp này Ủy ban nhân dân huyện NB phải bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất cho ông Th tại thời điểm có quyết định thu hồi là theo Quyết định số 589 và Công văn số 123 với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 6.745.451.180 đồng mới phù hợp quy định pháp luật tại Điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị Định số 197/2004/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, không có căn cứ để áp dụng Quyết định số 2155 với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 4.732.336.310 đồng.

Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 2155 thay thế Quyết định số 589 và Công văn số 123. Sau đó, căn cứ vào Công văn số 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày 05/7/2011 của Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố và Công văn số 3472/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố để cho rằng Quyết định bồi thường số 2155/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Ông Lưu Chí Th là đúng theo quy định là không hợp lý, hợp tình bởi những lý do sau:

- Thứ nhất, trường hợp bồi thường, hỗ trợ đền bù của ông Th không thuộc phạm vi giải quyết của Công văn số 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày 05/7/2011 và Công văn số 3472/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011 vì: Việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ giữa Uỷ ban nhân dân huyện NB và ông Th đã thỏa thuận xong,

không phát sinh khó khăn, vướng mắc cần giải quyết. Trong khi lý do "xác định vị trí mặt tiền đường" của Công văn số 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày 05/7/2011 và Công văn số 3472/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011 là vì: **"***Hiện nay, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh các quận – huyện đang gặp khó khăn, vướng mắc trong việc xác định vị trí mặt tiền đường khu đất, thửa đất của một chủ sử dụng khi thu hồi để tính bồi thường, hỗ trợ. Để giải quyết những khó khăn, vướng mắc nên trên. Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố phối hợp cùng Sở - ngành có liên quan xem xét, thống nhất hướng giải quyết báo cáo, trình Uỷ ban nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung vào Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Uỷ ban nhân dân Thành phố để triển khai thực hiện. Do đó, trước mắt Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố đề nghị thực hiện theo nguyên tắc: Khu đất, thửa đất có vị trí mặt tiền đường được xác định số thửa trong bản đồ địa chính là phần diện tích ít nhất có một mặt tiếp giáp với lề đường hiện hữu thì thửa đất đó là mặt tiền đường, các thửa đất còn lại trong khu đất của một chủ sử dụng không tiếp giáp với lề đường hiện hữu thì không tính mặt tiền đường"*. (Khoản 3 Công văn số 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày 05/7/2011).

Đồng thời, tại thời điểm ra Quyết định số 589, Ủy ban nhân dân huyện NB căn cứ vào hai quyết định là Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (hiệu lực ngày 24/3/2008 đến ngày 07/6/2010) và Quyết định số 82/2008/QĐ-UBND ngày 01/12/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 10 của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17 ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (hiệu lực từ ngày 11/12/2008 đến ngày 07/6/2010), chứ không áp dụng Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**,** như đã nêu tại Công văn số 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày 05/7/2011 và Công văn số 3472/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011. Hơn nữa, Điểm b Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng nêu rõ: Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trước ngày 01 tháng 10 năm 2009 thì thực hiện theo chính sách, phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quyết định này.

Trường hợp của ông Th đang chi trả bồi thường, hỗ trợ theo 2 phương án đã được phê duyệt là Phương án 78/PTBT và Phương án 92/PABT và đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ theo chính sách bồi thường của Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 và Quyết định số 82/2008/QĐ-UBND ngày 01/12/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công văn số 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày 05/7/2011 và Công văn số 3472/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011 không có giá trị hiệu lực chung để thi hành vì: không phải là văn bản quy phạm pháp luật và không được công bố công khai cho người dân biết, mà chỉ là văn bản hành chính mang tính chất nội bộ của Ủy ban nhân dân huyện NB về việc báo cáo, kiến nghị giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Khu Đô thị Mới PK – NĐ, huyện NB.

- Thứ hai, về đơn giá bồi thường, hỗ trợ:

Một, đối với diện tích 1.250,1m^2 đất cây hàng năm, thửa 1866 (tách từ thửa 505):

Quyết định số 589 và Công văn số 123 áp dụng đơn giá bồi thường, hỗ trợ là 2.748.000 đ/m^2 (108.000 đ + [40% x 6.600.000 đ/m^2] = 2.748.000 đ/m^2) là đơn giá bồi thường, hỗ trợ cho đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư theo điểm c mục 3 phần V Phương án 92/PABT ngày 03/7/2008, chứ không phải đơn giá cho đất mặt tiền đường.

Điều này không những thể hiện trong Phương án 92/PABT ngày 03/7/2008, mà còn được tái khẳng định trong Công văn số 123/BBT ngày 10/3/2009 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng khi quyết định bồi thường hỗ trợ bổ sung 191,1m^2 thửa 505 là đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư.

Cơ sở pháp lý và thực tế để Ban bồi thường quyết định bồi thường hỗ trợ bổ sung là: Qua kiểm tra hồ sơ bồi thường và thực tế sử dụng đất của ông Ông Lưu Chí Th, theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 11/7/2006 và bản xác minh nguồn gốc sử dụng đất và nhà ngày 23/4/2008 của Uỷ ban nhân dân xã PK: thửa 503, thửa 1827 tờ bản đồ số 04, xã PK được ông Th hợp thức hóa 95,4m^2/536,4m^2 (diện tích sử dụng thực tế) đất ở, còn lại 441m^2 thuộc phần thửa 503 được Uỷ ban nhân dân xã PK xác nhận ông Th xây nhà ở vào tháng 02/2004. Căn cứ quyết định số 82/2008/QĐ-UBND và Phương án số 92, thì ông Th được hỗ trợ đất nông nghiệp xen cài với tổng diện tích là 1.691,1m^2 (441 m^2 đất thuộc một phần thửa 503 và 1.250,1 m^2 thuộc thửa 1866 tờ bản đồ số 04, xã PK), thửa 1866 tiếp giáp thửa 503 đã được phê duyệt đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư. Do đó, ông Th còn được bồi thường hỗ trợ bổ sung 191,1m^2 đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư với đơn giá 2.293.000 đ/m^2.

Hai, đối với diện tích 2.301,7m^2 đất trồng cây hàng năm, thửa 509:

Quyết định số 589 áp dụng đơn giá bồi thường 405.000 đ/m^2 theo mục 3 phần V Phương án 92/PABT ngày 03/7/2008 là có căn cứ, vì mục 3 phần V đã xác định rõ thế nào là đất nông nghiệp có vị trí mặt tiền đường, cụ thể: *Đất nông nghiệp có vị trí mặt tiền đường là phần diện tích của một hộ có quyền sử dụng đất hợp pháp, hợp lệ có ít nhất một mặt tiếp giáp với lề đường hiện hữu trong phạm vi 200m tính từ ranh tiếp giáp với lề đường đường tính bồi thường với đất trồng cây hàng năm là 405.000 đ/m^2.*

Do đó, Quyết định số 589 và Công văn số 123 áp dụng đơn giá bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 1.250,1m^2 đất trồng cây hàng năm, thửa 1866 (tách từ thửa 505) với giá 2.748.000 đ/m^2 dành cho đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư và diện tích 2.301,7m^2 đất trồng cây hàng năm, thửa 509 với giá 405.000 đ/m^2 dành cho đất nông nghiệp tiếp giáp với mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu và nằm trong phạm vi 200m là có cơ sở.

- Thứ ba, Ủy ban nhân dân huyện NB áp dụng văn bản pháp luật chồng chéo và trái quy định pháp luật trong việc bồi thường chậm.

Một, áp dụng văn bản pháp luật chồng chéo:

- Ủy ban nhân dân huyện NB ra Quyết định số 2155 để thay thế Quyết định số 589, trong khi Quyết định số 589 đã và đang được thi hành và Ủy ban nhân dân huyện NB đã bồi thường, hỗ trợ đền bù do thu hồi đất cho ông Th xong giai đoạn 1.

- Lý do ra Quyết định số 2155 để thay thế Quyết định số 589 là căn cứ vào Công văn số 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày 05/7/2011 của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố và Công văn số 3472/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố (điều chỉnh, bổ sung vào Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Uỷ ban nhân dân Thành phố để triển khai thực hiện), vừa căn cứ Phương án số 78/PABT ngày 12/12/2007 và Phương án số 92/PABT ngày 03/7/2008, vừa căn cứ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 trong khi, Quyết định số 35/2010 ngày 15/5/2015 đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân huyện NB ra Quyết định số 2155 nhưng không áp dụng đơn giá giá đất bồi thường tại thời điểm năm 2016, lại áp dụng "hồi tố không có cơ sở" đơn giá đất bồi thường năm 2008 – đơn giá đất bồi thường mà Quyết định 589 và Công văn số 123 đã áp dụng.

Hai, áp dụng trái quy định pháp luật trong việc bồi thường chậm

Ủy ban nhân dân huyện NB đang thực hiện bồi thường, hỗ trợ đền bù thu hồi đất cho ông Th và có lỗi trong việc bồi thường chậm. Theo đó, Điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định: *Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có*

trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi.

Như vậy, trong trường hợp này Ủy ban nhân huyện NB phải bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất cho ông Th tại thời điểm có quyết định thu hồi là theo Quyết định số 589 và Công văn số 123 với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 6.745.451.180 đồng mới phù hợp quy định pháp luật, không có căn cứ để áp dụng Quyết định 2155 với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 4.732.336.310 đồng.

Ông Ông Lưu Chí Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét hủy Quyết định số 2155 của Ủy ban nhân dân huyện NB, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện NB thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông Th theo Quyết định số 589 và Công văn số 123, đồng thời hỗ trợ lãi suất ngân hàng đối với số tiền chậm trả là 2.013.144.870 đồng cho ông Th.

- Ngày 13/12/2018, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét hủy Văn bản 756/BBT-NV4 ngày 27/12/2017 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện NB.

*** Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện NB có các văn bản trình bày ý kiến số 1259/UBND-BBT ngày 12/5/2017 và Văn bản số 1872/UBND-BBT ngày 14/7/2017 như sau:**

Ông Ông Lưu Chí Th, địa chỉ 370 HP, Phường P9, Quận X8, Thành phố Hồ Chí Minh có đất bị ảnh hưởng trong dự án là: 4.109,8m^2 (*trong đó có 21,8m^2 đất rạch*) thuộc thửa 503 = 486,4m^2, thửa 1827 = 50 m^2, thửa 1866 = 1250m^2, thửa 509 = 2.301,7m^2 tờ bản đồ số 04, xã PK, huyện NB. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ông Lưu Chí Th, đất do ông Th sử dụng ổn định không tranh chấp. Thửa 503 = 486,4m^2 (*trong đó có phần diện tích 95,4m^2 đã hợp thức hóa đất ở mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu*).

Ngày 25/7/2008 Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định bồi thường số 589 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Ông Lưu Chí Th với tổng số tiền bồi thường là: 6.307.258.880 đồng, toàn bộ phần diện tích của ông Th bị ảnh hưởng trong dự án được bồi thường theo đơn giá mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu.

Tại Khoản 3 Văn bản số: 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày 05/7/2011 của Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố có quy định: " *Về xác định vị trí mặt tiền đường theo nguyên tắc: Khu đất, thửa đất có vị trí mặt tiền đường được xác định số thửa trong bản đồ địa chính là phần diện tích ít nhất có một mặt tiếp giáp với lề đường hiện hữu thì thửa đất đó là mặt tiền đường, các thửa đất còn lại trong khu đất của một chủ sử dụng không tiếp giáp với lề đường hiện hữu thì*

không tính mặt tiền đường" đã được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận tại Công văn số: 3472/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011 về giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Khu Đô thị Mới PK – NĐ, huyện NB. Do đó, việc lập hồ sơ bồi thường, ban hành Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 và Công văn số 123/BBT ngày 10/3/2009 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện NB là chưa chính xác.

Căn cứ theo hiện trạng thì phần đất của ông Ông Lưu Chí Th chỉ có thửa 503, tờ bản đồ số 04, xã PK là trực tiếp tiếp giáp với mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu. Trên cơ sở đó, ngày 05/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 2155 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Ông Lưu Chí Th thay thế Quyết định số 589 với tổng tiền bồi thường là 4.732.336.310 đồng, cụ thể:

- Đất ở mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu (thửa 503) là: 95,4m^2 x 6.600.000 đồng.

- Đất nông nghiệp xen cài trong khu dân cư trồng cây hàng năm mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu (thửa 503) là: 441m^2 x 2.748.000 đồng.

- Đất nông nghiệp xen cài trong khu dân cư trồng cây hàng năm không mặt tiền đường (thửa 1866 chiết từ thửa 505) là: 1.250m^2 x 1.228.000đồng.

- Đất trồng cây hàng năm không mặt tiền đường thửa 509 là: 2.30,7m^2 x 330.000 đồng.

- Hỗ trợ giá trị công bồi đắp để giữ gìn và bảo vệ đất thành đất trồng cây hàng năm, phục vụ canh tác từ tháng 3/2002 là: 21,7m^2 x 86.400 đồng.

- Bồi thường nhà ở, công trình khác 581.361.430 đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ hoa màu và cây trồng: 5.031.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ là: 8.000.000 đồng.

Dự án được hỗ trợ lãi suất ngân hàng theo Công văn số 3472/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới tại xã PK – xã NĐ, huyện NB. Ngày 19/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 2345/QĐ-UBND về việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng đối với ông Ông Lưu Chí Th, với tổng số tiền: 1.308.928.809 đồng.

Ngày 21/9/2016, ông Ông Lưu Chí Th đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường và tiền hỗ trợ lãi sất ngân hàng, đồng ý bàn giao mặt bằng.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 2155 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Ông Lưu Chí Th là đúng theo quy định.

Tại Văn bản số 3251/UBND-BBT ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện NB có nội dung như sau:

Do vị trị đất của ông Th có nhiều thửa đất nhưng vẫn trong phạm vi 200m, từ cơ sở đó Ủy ban nhân dân huyện NB căn cứ tại khoản 2, phần V của Phương án số 92/PABT ngày 03/7/2008 quy định: *"** Đất nông nghiệp có vị trí mặt tiền đường là phần diện tích của một hộ có quyền sử dụng đất hợp pháp, hợp lệ, có ít nhất một mặt tiếp giáp với lề đường hiện hữu trong phạm vị 200m tính từ ranh tiếp với lề đường".*

Ngoài ra tại khoản 3, phần V của Phương án bồi thường số 92/PABT ngày 03/7/2008 có quy định: *"Đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và đất vườn, ao liền kề với đất ở trong khu dân cư: ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp cùng loại (giá đất vị trí 1 khu vực II quy định tại Quyết định số 144/2007/QĐ-UB ngày 27 tháng 12 năm 2007 và các văn bản điều chỉnh bổ sung bằng tiền với mức không quá 40% giá đất ở để tính bồi thường có vị trí liền kề..."*

Ngày 25/7/2008, Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định bồi thường số 589/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Ông Lưu Chí Th, với tổng số tiền bồi thường là: 6.307.258.880 đồng, toàn bộ phần diện tích của ông Th bị ảnh hưởng trong dự án được bồi thường theo đơn giá mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu (*trong đó có phần diện tích 95,4m^2 đã hợp thức hóa đất ở mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu*) cụ thể:

- Đất ở mặt tiền đường thuộc thửa 503, 1827, diện tích 95,4m^2 x 6.600.000 đồng.

- Đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư thuộc thửa 441 và thửa 1059 là 1.500m^2 được tính theo đơn giá đất mặt tiền đường, cụ thể là: 40% đơn giá đất ở để tính có vị trí liền kề (40% x 6.600.000 + 108.000đồng).

- Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm thuộc thửa 505 và thửa 509 là: 2.492,8m^2 (do trong phạm vi 200m) nên được tính theo đơn giá mặt tiền đường 405.000 đồng.

- Thửa 505 có 191,1m^2 cải tạo thành gò nên được hỗ trợ 50.000 đồng/m^2.

- Đất rạch cải tạo thành ruộng 21,7m^2 x 86.400 đồng.

Tuy nhiên, tại Quyết định 574/QĐ-UBND ngày 11 tháng 07 năm 2008 phê duyệt Phương án bồi thường số 92/PABT ngày 03/7/2008 chỉ có duyệt đơn giá đất ở theo từng vị trí như: đất ở mặt tiền đường, hẻm xi măng cấp 1 rộng dưới 5m, hẻm xi măng cấp 2 rộng dưới 5m, hẻm đất cấp 1 rộng dưới 5m, hẻm đất cấp 2 rộng dưới 5m của đường Lê Văn Lương, đường Phạm Hữu Lầu và đường Nguyễn Bình. Đối với đất nông nghiệp thuần chỉ có đơn giá đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm của vị trí mặt tiền đường và không mặt tiền đường.

Ngày 22/3/2010, Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 87/QĐ-UBND về việc duyệt đơn giá đất nông nghiệp xen kẽ để tính bồi thường, hỗ trợ Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới NĐ - PK trên địa bàn huyện NB và Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 16/7/2010 về việc duyệt điều chỉnh, sửa đổi Quyết định 87/QĐ-UBND ngày 22 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện NB về đơn giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư để tính bồi thường, hỗ trợ trong Dự án tạo quỹ đất xây dựng khu đô thị mới NĐ - PK trên địa bàn huyện NB theo từng vị trí cấp hẻm cụ thể.

Ngày 01/03/2011, Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 86/QĐ-UBND về việc duyệt điều chỉnh, bổ sung đơn giá để tính bồi thường, hỗ trợ trong Dự án tạo quỹ đất xây dựng khu đô thị mới NĐ – PK huyện NB, bổ sung đơn giá đất ở và đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư vị trí không đường vào.

Ngày 12/7/2011, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 3472/UBND-ĐTMT về giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới PK - NĐ, huyện NB chấp thuận theo đề xuất của Hội đồng Thẩm định Bồi thường thành phố tại Công văn số 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày 05/7/2011 của Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố có quy định: "*Về xác định vị trí mặt tiền đường theo nguyên tắc: Khu đất, thửa đất có vị trí mặt tiền đường được xác định số thửa trong bản đồ địa chính là phần diện tích ít nhất có một mặt tiếp giáp với lề đường hiện hữu thì thửa đất đó là mặt tiền đường, các thửa đất còn lại trong khu đất của một chủ sử dụng không tiếp giáp với lề đường hiện hữu thì không tính mặt tiền đường*".

Từ cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện NB phải điều chỉnh hồ sơ bồi thường đúng quy định như văn bản trên, ngày 05/9/2016 Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 2155/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Ông Lưu Chí Th, với số tiền 4.732.336.310 đồng (Quyết định này thay thế Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008), được tính cụ thể:

- Đất ở mặt tiền đường thuộc thửa 503, 1827(503), diện tích 95,4m^2 x 6.600.000 đồng.

- Đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư trồng cây hàng năm mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu thửa 503, diện tích 441m^2 x 2.748.000 đồng.

- Đất nông nghiệp xen kẽ liền kề khu dân cư thuộc thửa 1866 (chiết từ thửa 505), tại Mục c Khoản 3, phần V của phương án bồi thường số 92/PABT ngày 03/7/2008 quy định: *"Đối với diện tích đất thuộc thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới các khu vực quy định tại điểm a khoản này thì diện tích được tính hỗ trợ bằng tiền của mỗi thửa đất không quá năm (05) lần hạn mức diện tích đất ở quy định tại Điều 1 quyết định 64/2001/QĐ-UB ngày 30/7/2001*

của Ủy ban nhân dân Thành phố tại thời điểm có quyết định thu hồi đất". Thửa 1866 (chiết từ thửa 505) đất nông nghiệp xen kẽ liền kề khu dân cư không đường vào (do thửa đất không trực tiếp tiếp giáp với đường), diện tích 1.250m^2 x 1.228.000 đồng.

- Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm không mặt tiền đường (do thửa đất không trực tiếp tiếp giáp với đường) thửa 509, diện tích 2.301,7m^2 x 330.000 đồng.

- Hỗ trợ giá trị công bồi đắp để giữ gìn và bảo vệ đất thành đất trồng cây hàng năm, phục vụ canh tác từ tháng 3/2002, diện tích 21,7m^2 x 86.400 đồng.

Ngoài ra, dự án được hỗ trợ lãi suất ngân hàng theo Công văn số 3472/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới tại xã PK – xã NĐ, huyện NB.

Ngày 19/9/2016 Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 2345/QĐ-UBND về việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng đối với ông Ông Lưu Chí Th, với tổng số tiền: 1.308.928.809 đồng, (số tiền bồi thường 3.628.753.880 đồng, ông Th đã nhận ngày 05/5/2009 theo Quyết định bồi thường số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 sẽ không tính hỗ trợ lãi suất ngân hàng).

Ngày 21/9/2016, ông Ông Lưu Chí Th đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường và tiền hỗ trợ lãi sất ngân hàng, đồng ý bàn giao mặt bằng.

Tại Văn bản số 331/UBND-BBT ngày 25/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện NB có nội dung như sau:

Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới xã NĐ – PK, huyện NB được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận đơn giá bồi thường, hỗ trợ đất ở của các tuyến đường bị ảnh hưởng trong dự án tại Công văn số 3987/UBND-ĐTMT ngày 24/6/2008. Tại thời điểm này chỉ xây dựng đơn giá đất ở vị trí mặt tiền đường, vị trí cấp 1 và vị trí cấp 2, chưa phát sinh vị trí đất ở không đường vào. Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới xã PK – huyện NB là dự án có diện tích thu hồi rất lớn nên lập hồ sơ dự toán theo từng phần, từng khu vực. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện dự án có phát sinh thêm vị trí đất không có đường vào, đi nhờ qua khu đất của người khác. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện NB đã thuê đơn vị thẩm định giá, xây dựng đơn giá bồi thường cho vị trí đất ở không có đường dẫn vào, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt giá và đã được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận tại Công văn số 4218/UBND-ĐTMT ngày 26/8/2010.

Tuy nhiên, tại Khoản 2 Điều 10 Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định: "*Đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và đất vườn, ao liền kề với đất ở trong khu dân cư: ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp cùng loại (giá đất do Ủy*

ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm), còn được hỗ trợ thêm bằng tiền với mức không quá 40% giá đất ở để tính bồi thường có vị trí liền kề, nhưng tổng mức bồi thường và hỗ trợ không vượt quá giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng loại thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường; trường hợp giá đất cùng loại thực tế chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn tổng mức bồi thường và hỗ trợ nêu trên, thì áp dụng theo giá thực tế chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thẩm định, phê duyệt". Thành phố quy định đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư được hỗ trợ thêm 40% đất ở liền kề nhưng không vượt quá giá đất trên thị trường. Do đó, để thực hiện đúng theo hướng dẫn của Thành phố và của Sở Tài chính thì Ủy ban nhân dân Huyện đã thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá thẩm định thêm các loại đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư, làm cơ sở áp dụng hỗ trợ thêm cho đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư được hỗ trợ thêm 40% đất ở liền kề và bổ sung vào phương án để có cơ sở thực hiện.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2010 về duyệt giá đất nông nghiệp xen kẽ để tính bồi thường, hỗ trợ trong dự án tạo quỹ đất xây dựng khu đô thị mới NĐ – PK, huyện NB dựa trên các pháp lý sau:

- Công văn số 3987/UBND-ĐTMT ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đơn giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ trong Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới NĐ – PK, huyện NB.

- Công văn số 12383/STC-BVG ngày 15 tháng 12 năm 2008 của Sở Tài chính về giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

- Chứng thư Thẩm định giá số 09/09/337/ĐGBT/TĐG ngày 29/9/2009.

- Công văn số 399/HĐBT ngày 18 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án về duyệt đơn giá đất ở và đất nông nghiệp trong khu dân cư có vị trí không đường vào trong Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới NĐ – PK, huyện NB.

Ngoài ra ngày 01 tháng 03 năm 2011 Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2011 về duyệt điều chỉnh, bổ sung giá để tính bồi thường, hỗ trợ trong Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới NĐ – PK, huyện NB dựa trên các pháp lý sau:

- Công văn số 12383/STC-BVG ngày 15 tháng 12 năm 2008 của Sở Tài chính về giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

- Chứng thư Thẩm định giá số 153/2010/CT-VALUINCO.HCM ngày 03/5/2010.

- Công văn số 94/HĐBT ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng Bồi thường giải mặt bằng của dự án về duyệt đơn giá đất ở và đất nông nghiệp trong

khu dân cư có vị trí không đường vào trong Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới NĐ – PK, huyện NB.

- Công văn số 4218/UBND-ĐTMT ngày 26 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung đơn giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ trong Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới NĐ – PK, huyện NB.

Việc thẩm định giá, duyệt giá của Dự án Tạo Quỹ đất Xây dựng Khu Đô thị Mới xã PK - NĐ, huyện NB, Ủy ban nhân dân huyện NB đã thực hiện đúng theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện NB nhận thấy: Việc ban hành Quyết định số 589 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Ông Lưu Chí Th đã được thay thế bởi Quyết định số 2155 của Ủy ban nhân dân huyện NB về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Ông Lưu Chí Th là đúng theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm 652/2020/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

1**.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ông Lưu Chí Th về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện NB hỗ trợ đời sống số tiền 1.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền 1.000.000 đồng.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện NB có trách nhiệm thanh toán số tiền hỗ trợ đời sống 1.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền 1.000.000 đồng cho ông Ông Lưu Chí Th.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ông Lưu Chí Th về việc hủy Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện NB; buộc Ủy ban nhân dân huyện NB phải bồi thường, hỗ trợ cho ông Ông Lưu Chí Th theo Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 và Công văn số 123/BBT ngày 10/3/2009; Ủy ban nhân dân huyện NB phải chi trả số tiền chậm trả còn lại 2.013.114.870 đồng và tiền lãi phát sinh theo suất ngân hàng đối với số tiền chậm trả còn lại 2.013.114.870 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Ông Lưu Chí Th kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Chủ tọa phiên tòa công cố các chứng cứ thu thập tại cấp phúc thẩm gồm:

Trên cơ sở yêu cầu thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo các nội dung:

Số tiền lãi theo chế độ tiền gửi tiết kiệm bậc thang tính trên số tiền gốc 2.013.114.870 đồng tính từ ngày 04/8/2008 đến ngày 12/11/2021.

Số tiền lãi theo chế độ tiền gửi tiết kiệm bậc thang tính trên số tiền gốc 2.013.114.870 đồng tính từ ngày 05/5/2009 đến ngày 12/11/2021.

* Ngày 11/11/2021, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh NB ban hàng văn bản số 1866/NHNoNB-KTNQ nội dung cung cấp bảng tính lãi tiền gửi như sau:

"Trường hợp 1: số tiền lãi theo chế độ tiền gửi tiết kiệm bậc thang tính trên số tiền gốc 2.013.114.870 đồng tính từ ngày 04/8/2008 đến ngày 12/11/2021.

Vì từ ngày 05/5/2009 ngân hàng không còn huy động tiền gửi tiết kiệm bậc thang (số tk 6340620000595) mà chuyển sang tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng lãi cuối kỳ lãi nhập gốc cho khách hàng (số tk 6340601230921), nên lãi tiền gửi của khách hàng được tính như sau:

- Lãi tiền gửi bậc thang từ 04/8/2008 đến ngày 05/5/2009 là: 254.435.338 đồng.

- Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng lãi cuối kỳ lãi nhập gốc từ 05/5/2009 đến ngày 12/11/2021 là: 2.498.418.300 đồng

Vậy tổng cộng lãi từ 04/8/2008 đến ngày 12/11/2021 là: 2.752.853.638 đồng

Trường hợp 2. số tiền lãi theo chế độ tiền gửi tiết kiệm bậc thang tính trên số tiền gốc 2.013.114.870 đồng tính từ ngày 05/5/2009 đến ngày 12/11/2021.

Vì từ ngày 05/5/2009 ngân hàng không còn huy động tiền gửi tiết kiệm bậc thang (số tk 6340620000595) mà chuyển sang tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng lãi cuối kỳ lãi nhập gốc cho khách hàng (số tk 6340601230921), nên lãi tiền gửi của khách hàng được tính như sau:

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng lãi cuối kỳ lãi nhập gốc từ 05/5/2009 đến ngày 12/11/2021 là: 2.498.418.300 đồng."

Trên cơ sở yêu cầu thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn về các nội dung có liên quan đến số tiền bồi thường theo quyết định 589 được gửi tại Ngân hàng vào năm 2008 theo các nội dung:

- Ngày mở tài khoản, số tài khoản và số tiền gửi theo hình thức tiết kiệm gì?

- Người đứng tên trên tài khoản được mở?

- Những người thụ hưởng tài khoản này là ai?

- Quá trình chi trả số tiền tại tài khoản được mở như thế nào (chi cho ai,

bao nhiêu tiền, theo văn bản nào)?

- Hiện tại tài khoản còn tồn tại hay đã tất toán? Nếu còn tồn tại thì số dư gốc và lãi là bao nhiêu?

* Ngày 07 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh NB ban hành văn bản số 2029/NHNoNB-KTNQ về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cung cấp thông tin về tài khoản tiết kiệm theo thông báo 103/TB-HĐ nêu trên với các nội dung sau:

1. Ngày mở tài khoản: 15/08/2008

- Số tài khoản: 6340620000595

- Số tiền gửi: 6.307.258.880đồng

- Hình thức gửi: tiền gửi tiết kiệm bậc thang

- Người đứng tên tài khoản: Ông Lưu Chí Th, do đại diện Ban bồi thường GPMB Huyện NB là Bà Đoàn Thị Búp tạm đứng tên thay cho Ông Ông Lưu Chí Th theo thông báo số 103/TB-HD ngày 04/08/2008 của Hội đồng bồi thường GPMB Huyện NB.

Số tài khoản trên đã đóng vào ngày 05/05/2009 với số tiền:

- Người thụ hưởng tài khoản: đại diện Ban Bồi thường GPMB Huyện NB là Bà Đoàn Thị Búp

- Gốc: 6.307.258.880 đồng

- Lãi: 797.167.400 đồng

2. Đến ngày 05/05/2009 Agribank dừng huy động sản phẩm tiền gửi tiết kiêm bậc thang, sổ tiết kiệm trên đã đóng và chuyển sang tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng chi trả cuối kỳ (lãi nhập gốc) với số tiền gửi lại là:

- Ngày mở tài khoản: 05/05/2009

- Số tài khoản: 6340601230921

- Số tiền gửi: 2.678.505.000 đồng

- Hình thức gửi: tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng.

- Người đứng tên tài khoản: Ông Lưu Chí Th, do đại diện Ban bồi thường GPMB Huyện NB là Bà Đoàn Thị Búp tạm đứng tên thay cho Ông Ông Lưu Chí Th

Sổ tiết kiệm trên đã đóng vào ngày 12/12/2013 với số tiền:

- Gốc: 4.286.905.500 đồng (biên độ lãi suất kỳ hạn 1 tháng lãi nhập gốc từ 05/05/2009 đến 05/12/2013 từ 7% đến 14%/năm)

-Lãi: 1.000.300 đồng

Người thụ hưởng tài khoản: đại diện Ban Bồi thường GPMB Huyện NB là

Ông Dương Công Thứ, theo văn bản số 246A/BBT ngày 01/06/2012 của Ban GPMB Huyện NB.

3. Trường hợp sau ngày 05/05/2009, nếu số tiền 2.678.505.000đ trong tài khoản không được rút thì gốc và lãi đến ngày 12/11/2021 là 6.002.719.300 đồng (trong đó gốc: 2.678.505.000 đồng, lãi: 3.324.214.300 đồng với biên độ lãi suất kỳ hạn 1 tháng lãi nhập gốc từ 05/05/2009 đến 12/11/2021 từ 7% đến 14%/năm).”

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và sửa bản án sơ thẩm theo nội dung chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã trình bày. Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đương sự nêu đã được nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Người kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không đúng nên dẫn đến việc phán quyết tại phần quyết định là sai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có kháng cáo.

Ủy ban nhân dân huyện NB vắng mặt, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày tại phiên tòa phúc thẩm: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Th, đề nghị Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các chứng cứ chứng minh cho đề nghị của mình phía người bị kiện nêu không khác với các nội dung đã trình bày tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, thì Ủy ban nhân dân huyện NB xác định tại thời điểm ban hành quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện NB là đúng quy định pháp luật, Quyết định không bị khiếu nại hay khởi kiện và đã được thi hành năm 2009. Ngoài ra người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện NB trình bày ông hiện giữ chức vụ Trưởng phòng nghiệp vụ - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân huyện NB. Ông xác nhận bà Đoàn Thị Búp là thủ quỹ của Ủy ban nhân dân huyện NB, bà Búp rút khoản tiền gửi tên ông Th như Ngân hàng nêu trên về nhập quĩ của Hội đồng giải phóng mặt bằng - Ủy ban nhân dân huyện NB.

Phần tranh luận

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tranh luận: Quyết định 589 ngày 25 tháng 7 năm 2008 đã thi hành, ông Th đã giao đất cho nhà nước. Ông Th yêu cầu tiếp tục trả số tiền còn lại nhưng UBND huyện NB vẫn không thực hiện. Đến năm 2016, ông Th mới nhận được quyết định sửa đổi số 2155. Theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 quy định “Nguyên tắc bồi thường chậm do lỗi cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra” như sau: *Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường*

theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi; Như vậy, để bồi thường đúng quy định pháp luật, UBND huyện NB phải bồi thường, hỗ trợ cho ông Th số tiền là 6.745.451.180 đồng tại thời điểm có quyết định thu hồi theo quyết định số 589 và Công văn 123.

Quyết định 2155 là trái luật, vi phạm nguyên tắc bồi thường, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, hủy Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện NB; buộc Ủy ban nhân dân huyện NB phải bồi thường, hỗ trợ cho ông Ông Lưu Chí Th theo Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 và Công văn số 123/BBT ngày 10/3/2009; Ủy ban nhân dân huyện NB phải chi trả số tiền chậm trả còn lại 2.013.114.870 đồng và tiền lãi phát sinh theo suất ngân hàng đối với số tiền chậm trả còn lại 2.013.114.870 đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND huyện NB tranh luận: Ủy ban nhân dân huyện NB bảo lưu toàn bộ ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, không có ý kiến gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu của ông Ông Lưu Chí Th về việc hỗ trợ đời sống 1.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện NB; buộc Ủy ban nhân dân huyện NB phải bồi thường, hỗ trợ cho ông Ông Lưu Chí Th theo Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 và Công văn số 123/BBT ngày 10/3/2009; Ủy ban nhân dân huyện NB phải chi trả số tiền chậm trả còn lại 2.013.114.870 đồng và tiền lãi phát sinh theo suất ngân hàng đối với số tiền chậm trả còn lại 2.013.114.870 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Xét thấy kháng cáo của ông Th là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Ông Lưu Chí Th thì việc Tòa án không thu thập chứng cứ đối với việc tính lãi suất theo Thông báo số 103/TB-HĐ (nội dung sẽ gửi số tiền bồi thường hỗ trợ được xác định tại Quyết định số 589 vào Ngân hàng Nhà nước theo chế độ tiền gửi tiết kiệm bậc thang) với số tiền 2.013.114.870 đồng kể từ ngày 5/5/2009 cho đến nay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là thiếu sót. Bởi: khi xét xử sơ thẩm thì yêu cầu của ông Th có thể được chấp nhận hoặc không. Trường hợp được chấp nhận thì nội dung yêu cầu tính lãi của ông Th không có chứng cứ để quyết định.

Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không thu thập chứng cứ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là thiếu sót và Tòa án nhân dân cấp cao đã khắc phục thiếu sót nêu trên của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

Người khởi kiện trình bày: Ngày 05/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định hành chính số 2155/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Ông Lưu Chí Th trong dư án tạo quỹ đất xây dựng Khu Đô thị Mới xã PK – NĐ, huyện NB nội dung quyết định thay thế Quyết định số 589 ngày 25/7/2008 và Công văn số 123 ngày 10/3/2009 của Ủy ban nhân dân huyện NB. Ông Th cho rằng việc ban hành quyết định 2155 đã ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Th nên ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2155 và các văn bản hành chính của Ủy ban nhân dân huyện NB, buộc Ủy ban nhân dân huyện NB thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông Th theo Quyết định số 589 và Công văn số 123. Ủy ban nhân dân huyện NB phải chi trả số tiền còn lại chưa thanh toán theo quyết định 589; Căn cứ văn bản ngày 04/8/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng ra Thông báo số 103/TB-HĐ với nội dung sẽ gửi số tiền bồi thường hỗ trợ được xác định tại Quyết định số 589 vào Ngân hàng Nhà nước theo chế độ tiền gửi tiết kiệm bậc thang. Ông Th yêu cầu Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân huyện NB phải trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 05/5/2009 (ngày ông Th nhận tiền bồi thường đợt khi Ủy ban nhân dân huyện NB thi hành quyết định 589) cho đến nay theo nội dung thông báo. Cụ thể số tiền mà Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân huyện NB phải trả được tính như sau: Căn cứ nội đung khởi kiện đã trình bày thể hiện (không kể số tiền lãi phát sinh) thì ông Th đã nhận tổng số tiền bồi thường gốc là: 3.628.753.880 đồng (ngày 5/5/2009) + 1.103.582.430 đồng (ngày 21/9/2016) = 4.732.336.310 đồng (bằng số tiền bồi thường theo QĐ 2155)

Như vậy, tổng số tiền gốc ông Th được bồi thường cho diện tích bị thu hồi 4.109,9m^2 theo Quyết định số 589 và Công văn số 123 chưa nhận là: 6.745.451.180 đồng - 4.732.336.310 đồng = 2.013.114.870 đồng.

Số tiền gốc 2.013.114.870 đồng này đáng ra phải trả cho ông Th từ ngày 05/5/2009 thì không phải tính lãi nhưng số tiền đã được gửi trong ngân hàng theo thông báo 103 nêu trên nên phải trả toàn bộ số tiền lãi này cho ông.

Lập luận chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Th nêu tại phần nội dung trên nhưng được nhấn mạnh về điểm sai cơ bản của UBND huyện NB đã áp dụng văn bản pháp luật không đúng pháp luật để ban hành quyết định 2155 thay thế hủy bỏ quyết định 589 đã được thi hành.

Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập chứng cứ đối với việc tính lãi suất theo Thông báo số 103/TB-HĐ (nội dung sẽ gửi số tiền bồi thường hỗ trợ được xác định tại Quyết định số 589 vào Ngân hàng Nhà nước theo chế độ tiền gửi tiết kiệm bậc thang) với số tiền 2.013.114.870 đồng kể từ ngày 5/5/2009 cho đến nay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Phía người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Th và trình bày lập luận chứng minh cho việc ban hành Quyết định hành chính số 2155/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện NB là đúng như sau:

- Tại thời điểm ra Quyết định số 589 và công văn 123 (năm 2008 và 2009), Ủy ban nhân dân huyện NB căn cứ vào các Văn bản pháp quy gồm: Các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đó là Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008, Quyết định số 82/2008/QĐ-UBND ngày 01/12/2008, Quyết định số 17 ngày 14/3/2008 quy định về việc *Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*; Các văn bản pháp luật khác đó là Phương án 78/ PABT và Phương án 92/PABT là các phương án thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ theo chính sách bồi thường của Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 và Quyết định số 82/2008/QĐ-UBND ngày 01/12/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ủy ban nhân dân huyện NB xác định tại thời điểm ban hành quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện NB là đúng quy định pháp luật. Quyết định không bị khiếu nại khởi kiện và đã được thi hành.

Ngoài ra phía người bị kiện nêu: Cơ cở để tính ra tổng giá trị bồi thường trên 6 tỷ đồng trong nội dung quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện NB căn cứ quy định tại khoản 2, phần V của Phương án số 92/PABT ngày 03/7/2008 quy định: *"** Đất nông nghiệp có vị trí mặt tiền đường là phần diện tích của một hộ có quyền sử dụng đất hợp pháp, hợp lệ, có ít nhất một mặt tiếp giáp với lề đường hiện hữu trong phạm vi 200m tính từ ranh*

tiếp với lề đường" xác định các thửa đất của ông Th bị thu hồi là đất mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu.

- Sau đó thì vào năm ***2010*** UBND huyện NB đã áp dụng Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày ***28/5/2010*** của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nội dung quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản số: 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày ***05/7/2011*** của Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số: 3472/UBND-ĐTMT ngày ***12/7/2011*** của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc Giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Khu Đô thị Mới PK – NĐ, huyện NB Nội dung chấp thuận theo đề xuất của Hội đồng Thẩm định Bồi thường thành phố tại Công văn số 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày ***05/7/2011*** của Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố quy định: "*Về xác định vị trí mặt tiền đường theo nguyên tắc: Khu đất, thửa đất có vị trí mặt tiền đường được xác định số thửa trong bản đồ địa chính là phần diện tích ít nhất có một mặt tiếp giáp với lề đường hiện hữu thì thửa đất đó là mặt tiền đường, các thửa đất còn lại trong khu đất của một chủ sử dụng không tiếp giáp với lề đường hiện hữu thì không tính mặt tiền đường*". Theo nội dung các văn bản này thì trong các thửa đất bị thu hồi của gia đình ông Th chỉ có thửa đất ở được tính là đất có mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu, các thừa còn lại tính theo giá đất không có mặt tiền đường. Do vậy ngày ***05/9/2016*** Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 2155/QĐ-UBND về việc *bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Ông Lưu Chí Th*, số tiền ông Th được bồi thường theo nội dung quyết định là 4.732.336.310 đồng (Quyết định này thay thế Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008) ông Th đã giao đất (không tính số tiền lãi) ông Th đã nhận đủ số tiền gốc 4.732.336.310 đồng. Do đó phía Người bị kiện không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th.

[3] Xét các nội dung trình bày trong yêu cầu kháng cáo của phía người khởi kiện:

- Xét các nội dung kháng cáo nêu tố cáo hành vi của Chủ tọa phiên tòa cấp sơ thẩm vi phạm pháp luật thấy, nội dung kháng cáo này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Bởi, phạm vi xét xử phúc thẩm là xét xử theo thủ tục phúc thẩm đối với nội dung của bản án sơ thẩm.

- Xét nội dung kháng cáo nêu cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện đã được nêu tại phần nội dung ông Th không có yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện NB hỗ trợ đời sống số tiền 1.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh trên số tiền này. Tuy vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm lại xét phần lập luận của luật sư bảo vệ lợi cho ông Th nêu chứng minh nội dung sai của quyết định 2155 bị yêu cầu hủy từ đó chấp nhận phần lập luận này và phán quyết "**Tuyên xử:** 1**.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ông Lưu Chí Th về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện NB hỗ trợ đời sống số tiền 1.000.000 đồng và tiền lãi đối với số

tiền 1.000.000 đồng" là không đúng. Do vậy, nội dung yêu cầu kháng cáo về viêc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

- Xét nội dung yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ông Lưu Chí Th.

Phần nhận định trong bản án sơ thẩm không nhận định để xác định việc áp dụng các quy định pháp luật hiện hành để ban hành Quyết định hành chính (bị thay thế) số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện NB về việc *thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông Th* là sai hay đúng. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến việc đánh giá chứng cứ chưa khách quan.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Căn cứ các chứng cứ đã thu thập và nội dung trình bày của người bị kiện đã xác định: Việc áp dụng các quy định pháp luật hiện hành (các Văn bản pháp luật ban hành *trước* năm 2009) để ban hành Quyết định hành chính số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện NB về việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông Th là đúng theo văn bản pháp quy đang có hiệu lực. Điều này cũng đã được đại diện phía bị kiện xác nhận và Quyết định hành chính số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện NB đã được thi hành không bị khiếu nại và khởi kiện.

Vậy vấn đề đặt ra ở đây nội dung quyết định 2155/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện NB có nội dung thu hồi Quyết định hành chính số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện NB có đúng không? Việc áp dụng các Văn bản quyết định ban hành năm 2010 để xem xét lại các nội dung của quyết định năm 2008 có vi phạm pháp luật về áp dụng hồi tố các quy định bất lợi cho ông Th khi ban hành QĐ 2155 hay không? Chưa kể đến việc quyết định này không ai khiếu nại khởi kiện và không sai với các quy định của pháp luật khi ban hành. Hơn nữa, Quyết định đã thi hành cách ngày ban hành quyết định 2155 là 8 năm. Đây là nội dung sai sót trong việc đánh giá chứng cứ của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đến phán quyết chưa đúng làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện

[4] Nhận định của hội đồng xét xử cấp phúc thẩm

[4.1] Vào năm 2008 khi ban hành Quyết định hành chính số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện NB về việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông Th thì Ủy ban đã căn cứ tại khoản 2, phần V của Phương án số 92/PABT ngày 03/7/2008 quy định: *"** Đất nông nghiệp có vị trí mặt tiền đường là phần diện tích của một hộ có quyền sử dụng đất hợp pháp, hợp lệ, có ít nhất một mặt tiếp giáp với lề đường hiện hữu trong phạm vị*

200m tính từ ranh tiếp với lề đường" để xác định toàn bộ đất thu hồi của ông Th được xem là đất mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu. Do đó, Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 (quyết định đã được thi hành) có tổng số tiền bồi thường cho ông Th trên 6 tỷ đồng. Các căn cứ pháp luật vào thời điểm ban hành cũng như thời điểm đã thi hành quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 đã xác định nội dung quyết định 589 không sai.

[4.2] Các văn bản pháp luật năm 2010, 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (như người khởi kiện trình bày) có nội dung quy định: "*Về xác định vị trí mặt tiền đường theo nguyên tắc: Khu đất, thửa đất có vị trí mặt tiền đường được xác định số thửa trong bản đồ địa chính là phần diện tích ít nhất có một mặt tiếp giáp với lề đường hiện hữu thì thửa đất đó là mặt tiền đường, các thửa đất còn lại trong khu đất của một chủ sử dụng không tiếp giáp với lề đường hiện hữu thì không tính mặt tiền đường*". Đây là nội dung quy định bất lợi cho việc tính tổng giá trị tiền bồi thường về việc thu hồi đất của ông Th. Do vậy, việc căn cứ các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2010 và 2011 của Ủy ban nhân dân huyện NB để xem xét lại tính hợp pháp của quyết định ban hành năm 2008, 2009 đang thi hành là việc làm sai với các quy định của pháp luật.

Bởi: Căn cứ theo Điều 152 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thể hiện nội dung: hiệu lực áp dụng các văn bản pháp luật không có tính hồi tố đối với nội dung văn bản mới quy định bất lợi cho các đối tượng bị áp dụng; Hay nói cách khác việc, Ủy ban nhân dân huyện NB xem xét lại quyết định 589 của ông Th đồng nghĩa với việc cho phép các cơ quan có thẩm quyền có quyền xem xét lại tất cả các quyết định hành chính đã thi hành trước đây nếu, có văn bản mới nội dung quy định khác với các quy định của văn bản áp dụng trước đó. Điều này là không thể trong quản lý nhà nước nói chung nên UBND huyện NB cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4.3] Xét, căn cứ mà Ủy ban nhân dân huyện NB áp dụng để ban hành Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện NB là: Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nội dung *quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*; Văn bản số: 596/HĐTĐBT-ĐKKTĐ ngày 05/7/2011 của Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số: 3472/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc *Giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Khu Đô thị Mới PK – NĐ, huyện NB* trong Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010. Với các chứng cứ pháp lý nêu trên thì tại Điểm b Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng nêu rõ: *Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo*

phương án đã được phê duyệt hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trước ngày 01 tháng 10 năm 2009 thì thực hiện theo chính sách, phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quyết định này. Thế nhưng UBND huyện NB vẫn ban hành Quyết định 2155 là sai sót với chính nội dung quy định của văn bản áp dụng.

Từ nội dung quy định này thể hiện tính đúng pháp luật trong quá trình ban hành văn bản Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và là chứng cứ quan trọng, rõ ràng để khẳng định việc ban hành Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện NB là trái với các quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Th, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th.

[4.4] Xét số tiền ông Th yêu cầu UBND huyện NB phải chi trả cho ông: (6.745.451.180 đồng - 4.732.336.310 đồng = 2.013.114.870 đồng.)

- Đối với khoản tiền gốc theo Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 và Công văn số 123/BBT ngày 10/3/2009 có tổng là 6.745.451.180 đồng. Ông Th đã nhận được tổng số tiền gốc 4.732.336.310 đồng (bằng đúng số tiền bồi thường theo quyết định 2155) và các khoản lãi phát sinh tương ứng với thời gian chận thanh toán trên số tiền đã nhận.

- Xét về thực tế kể từ ngày 05/5/2009 (ngày ông Th được Ban bồi thường giải quyết số tiền bồi thường tạm ứng là 3.628.753.880 đồng và tiền lãi tiết kiệm 797.167.141 đồng nhận tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – NB) thì Ban bồi thường giải phóng mặt bằng lại tiếp tục gửi toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán cho ông Th (số tiền 2.678.505.000 đồng) tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tuy vậy, theo văn bản trả lời của Ngân hàng thì ngày 12/12/2013, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện NB đã rút toàn bộ số tiền trên gồm cả gốc lẫn lãi là: 4.286.905.500 đồng về nhập quỹ (mặc dù chưa ban hành Quyết định thu hồi Quyết 589). Việc làm này của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện NB đối với tài khoản gửi tiền bồi thường của ông Th là gây thiệt hại lãi phát sinh trên khoản tiền gốc đã gửi. Do vậy Ủy ban nhân dân huyện NB và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện NB phải chịu trách nhiệm chi trả tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của ông Th.

- Xét các chứng cứ thu thập tại Tòa án cấp phúc thẩm:

+ Văn bản số 1866/NHNoNB-KTNQ ngày 11/11/2021 của Ngân hàng nêu:

"Số tiền lãi trên số tiền gốc 2.013.114.870 đồng tính từ ngày 05/5/2009 đến ngày 12/11/2021 là 2.498.418.300 đồng".

+ Văn bản số 2029/NHNoNB-KTNQ ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng nêu:

*"Trường hợp sau ngày 05/05/2009, nếu số tiền 2.678.505.000đ trong tài khoản không được rút thì gốc và lãi đến ngày 12/11/2021 là **6.002.719.300** đồng (trong đó gốc: 2.678.505.000 đồng, lãi: 3.324.214.300 đồng với biên độ lãi suất kỳ hạn 1 tháng lãi nhập gốc từ 05/05/2009 đến 12/11/2021 từ 7% đến 14%/năm)."*

Nội dung này xác định yêu cầu của ông Th về việc tính lãi suất tại Tòa án hai cấp là có lợi cho Ủy ban nhân dân huyện NB bởi: số tiền theo yêu cầu của ông Th gồm 2.013.114.870 đồng gốc + 2.498.418.300 đồng lãi *nhỏ hơn* số tiền chưa được nhận nếu gửi từ 05/5/2009 đến nay là **6.002.719.300** đồng. (Theo văn bản trả lời của Ngân hàng nêu trên).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu kháng cáo và khởi kiện của ông Ông Lưu Chí Th là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 241 Bộ luật tố tụng hành chính 2015,

I/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ông Lưu Chí Th. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 652/2020/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ông Lưu Chí Th.

Tuyên xử:

1. Hủy Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 và các văn bản quyết định bổ sung cho quyết định 2155 của Ủy ban nhân dân huyện NB; buộc Ủy ban nhân dân huyện NB phải bồi thường, hỗ trợ cho ông Ông Lưu Chí Th theo Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 và Công văn số 123/BBT ngày 10/3/2009;

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện NB và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng tiếp tục thi hành Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 và Công văn số 123/BBT ngày 10/3/2009.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện NB và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng tiếp tục chi trả cho ông Ông Lưu Chí Th số tiền tổng cộng là: 4.511.533.170 đồng (gồm số tiền còn lại chưa trả theo Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 và Công văn số 123/BBT ngày 10/3/2009 là 2.013.114.870 đồng và số tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả là 2.498.418.300 đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện NB phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Ông Lưu Chí Th 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0033953 ngày 04/4/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

II. Về án phí phúc thẩm:

Ông Ông Lưu Chí Th không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (1);
- Lưu (10) 18b (Án VTPT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên